TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BB** TỈNH Đ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **319**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20/12/2021
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BB

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Cẩm**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thái Hòa**

Bà **Nguyễn Thị Kim Chi**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Nguyễn Thành Đạt** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố BB.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BB***: Bà **Đoàn Thị Hương** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BB xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1186/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 về việc "*Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 269/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Phạm Thanh H,** sinh năm 1973.
Địa chỉ: 1454, tổ 6, ấp N, xã B, huyện D, tỉnh T.
- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị T,** sinh năm 1973.
Địa chỉ: 233, khu phố 2, phường T, thành phố BB, tỉnh Đồng Nai.
(Ông H và bà T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn vào năm 1997, hôn nhân tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Tân Hạnh (nay là phường Tân Hạnh) thành phố BB cấp giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 19/9/1997, cuộc sống hôn nhân thường xuyên xãy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng nhiều lần hoà giải đoàn tụ nhưng không thành. Ông và bà T đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn quan T nhau, không còn tình cảm với nhau nữa nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với bà T.

Về con chung: có 02 con chung là cháu Phạm Nguyễn Nhật Trường, sinh năm 1997 và cháu Phạm Nguyễn Nhật Tường, sinh năm 2010. Hiện cháu Trường đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Khi ly hôn ông đồng ý giao cháu Tường cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông đồng ý cấp dưỡng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông H về quan hệ hôn nhân. Bà đồng ý ly hôn với ông H.

Về con chung: có 02 con chung là cháu Phạm Nguyễn Nhật Trường, sinh năm 1997 và cháu Phạm Nguyễn Nhật Tường, sinh năm 2010. Hiện cháu Trường đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Khi ly hôn bà yêu cầu nuôi dưỡng cháu Tường, yêu cầu ông H cấp dưỡng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, ông H được ly hôn với bà T; Về con chung: giao Phạm Nguyễn Nhật Tường, sinh năm 2010 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông H cấp dưỡng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng; Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông H và bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông H.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn" quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền của Tòa án: Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố BB.

[4] Về xác định tư cách đương sự: Ông H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà T nên xác định ông H là nguyên đơn, bà T là bị đơn.

[5] Về nội dung:

Ông H và bà T có đăng ký kết hôn vào năm 1997, được Ủy ban nhân dân xã Tân Hạnh (nay là phường Tân Hạnh) thành phố BB cấp giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 19/9/1997, hôn nhân tự nguyện, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Ông H và bà T đều thống nhất khai cuộc sống hôn nhân vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, nhiều lần hoà giải đoàn tụ nhưng không thành. Ông H và bà T đồng ý ly hôn.

Về vấn đề con chung: Ông H và bà T đều thống nhất khai có 02 con chung là cháu Phạm Nguyễn Nhật Trường, sinh năm 1997 và cháu Phạm Nguyễn Nhật Tường, sinh năm 2010. Hiện cháu Trường đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Khi ly hôn các bên thống nhất giao cháu Tường cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông H cấp dưỡng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Các bên thống nhất khai không có nợ chung và không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do đó cần chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa các bên.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định. Bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BB phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 5, 7 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986.

Áp dụng các Điều 9, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Phạm Thanh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Thanh H được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Nhật Tường, sinh năm 2010 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Phạm Thanh H cấp dưỡng nuôi cháu Tường là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/ 1 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động.

Ông H được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Ông Phạm Thanh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001230 ngày 07/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố BB.

Ông Phạm Thanh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP BB;
- Chi cục THADS TP BB;
- UBND phường Tân Hạnh;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Cẩm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Công Danh **Thiều Thị Phi Loan** **Trần Thị Cẩm**